

TỔNG CÔNG TY THÀNH AN
CÔNG TY CPXL THÀNH AN 96

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96
Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400100545 cấp lần 8 ngày 01/06/2016 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.
- Vốn điều lệ: 110.498.100.000 đồng được chia thành 11.049.810 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 110.498.100.000 đồng
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Văn Trỗi - Phường Hoà Thuận Đông - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng
- Số điện thoại: (0236) 3615 333
- Số fax: (0236) 3615 335
- Website: www.thanhhan96.vn
- Mã cổ phiếu: TA9

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96 tiền thân là Công ty xây lập 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An – Bộ Quốc Phòng được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 0400100545 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần 8 ngày 01/06/2016. Với số vốn điều lệ ban đầu là 17.110.000.000 đồng. Đến năm 2016

công ty đã thực hiện tăng vốn lên 110.498.100.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là thực hiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đê đập, bến cảng, công trình cấp thoát nước, công trình bưu chính viễn thông, các công trình phục vụ Quốc phòng, an ninh... Công ty từng bước mở rộng thị trường xây lắp từ địa bàn miền Trung ra thị trường miền Bắc và miền Nam. Công ty hoạt động với phương châm nâng cao chất lượng công trình là yếu tố hàng đầu để tồn tại và phát triển. Các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và được các chủ đầu tư đánh giá cao là yếu tố thành công của Thành An 96.

Trong những năm qua Công ty đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng uỷ, chỉ huy Binh đoàn 11 và các cơ quan chức năng cấp trên. Đồng thời với tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của Ban lãnh đạo, sự nỗ lực phấn đấu của Cán bộ, chiến sỹ và người lao động trong Công ty qua các thời kỳ, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ và xây dựng đơn vị ngày càng phát triển vững chắc, đã khẳng định được năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty trong cơ chế thị trường.

Công ty đăng ký và trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 3868/UBCK - QLPH ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Và được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết tại Sở theo Quyết định số 328/QĐ - SGDHN ngày 04/06/2015.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, thủy điện, Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp,... theo nội dung giấy phép kinh doanh.

- Địa bàn kinh doanh:

Trải dài tất cả các tỉnh thành trên cả nước.

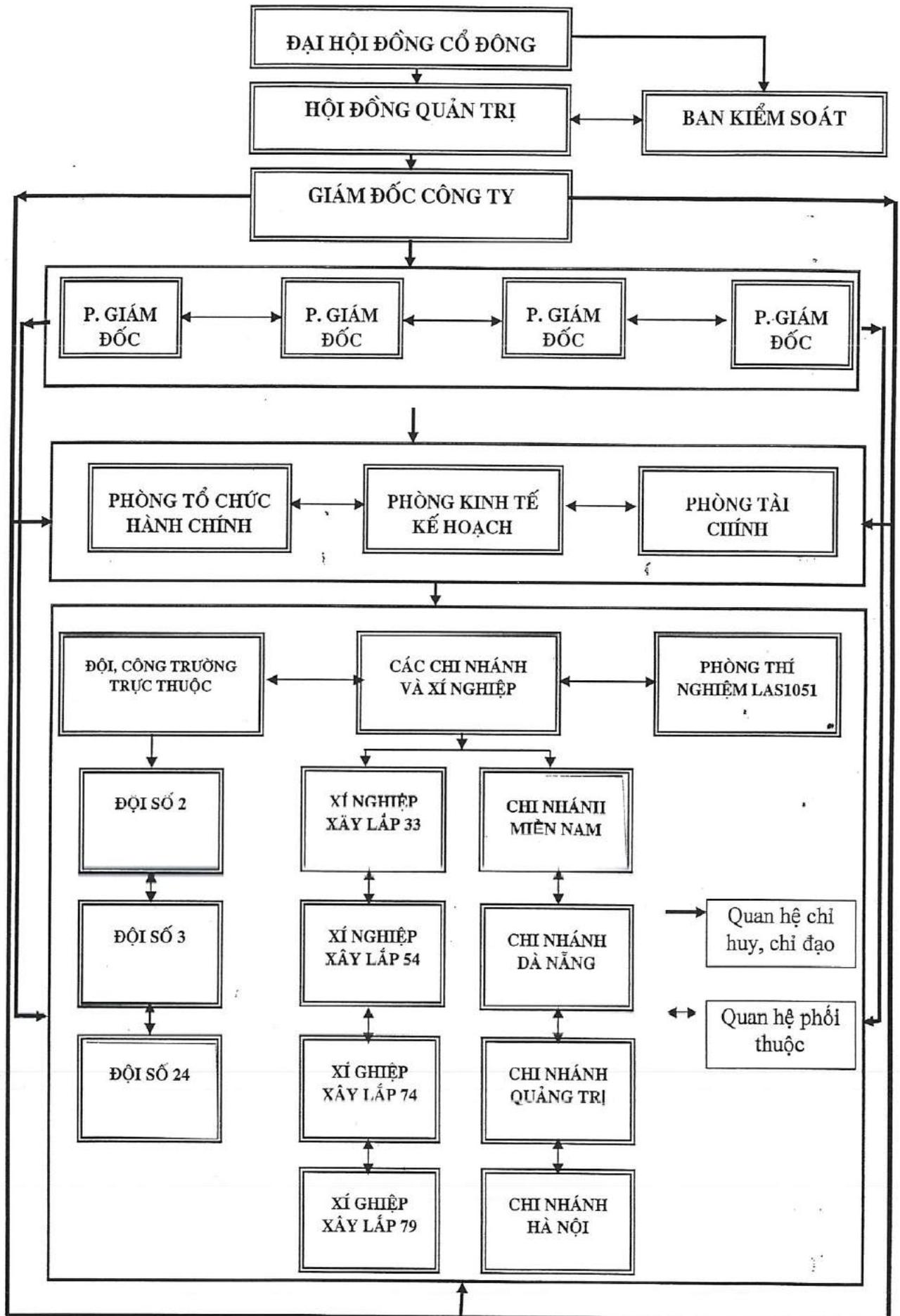
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

+ Mô hình quản trị:

Công ty CPXL Thành An 96 được chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang công ty Cổ phần 51% vốn Nhà nước, hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng đã niêm yết trên SGDC Hà Nội.

+ Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96 thiết lập cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu lực các chính sách và đạt được các mục tiêu đề ra.



4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Ổn định và mở rộng thị phần sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 với GTSX **2.159 tỷ đồng**, doanh thu **2.034 tỷ đồng**. Lợi nhuận: **45,749 tỷ đồng**, chia cổ tức **25%**.

+ Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị máy móc, phương tiện vận tải để tăng năng lực sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao vị thế của Công ty phù hợp với tình hình phát triển chung của đất nước.

+ Tiếp tục phát huy những ngành nghề của Công ty như: Xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện. Bên cạnh đó mở rộng thêm hoạt động ngành nghề kinh doanh như: thí nghiệm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, du lịch....

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong tiếp thị đấu thầu, hướng đầu tư vào các dự án có quy mô.

+ Mở rộng sản xuất đa ngành nghề như: Kinh doanh bất động sản, dịch vụ thương mại, xây dựng dự án đầu tư, khai thác sử dụng có hiệu quả các khu đất Công ty đang quản lý sử dụng.

+ Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược mới có năng lực tài chính, tiềm năng trong kinh doanh để đảm bảo huy động vốn cũng như tạo công ăn việc làm cho người lao động trong toàn Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty:

+ Công ty luôn đề cao công tác bảo vệ môi trường, ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động sản xuất kinh doanh. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Khắc phục ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Tổ chức và làm tốt phong trào quần chúng tham gia công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường là một trong những chức năng, nhiệm vụ của Công ty. Đây cũng chính là những hoạt động thu hút được đông đảo người lao động tham gia và mang lại hiệu quả sâu rộng.

+ Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển doanh nghiệp toàn diện, bền vững, xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục, tạo việc làm đầy đủ và việc làm tốt cho tất cả mọi người.

5. Các rủi ro

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 cũng như các doanh nghiệp khác là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển, ngược lại khi kinh tế suy thoái, lãi suất, lạm phát tăng cao... là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Bên cạnh các yếu tố về môi trường kinh doanh, việc biến đổi khí hậu gây ra các hiện tượng thời tiết cũng làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty so với năm trước và so với kế hoạch như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

T T	Nội dung	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh (%)	
					Năm trước	Kế hoạch
1	Giá trị sản xuất	3.055.445.641	2.100.000.000	2.159.755.842	71	103
2	Doanh thu	2.702.989.559	2.006.159.000	2.034.249.661	75	101
3	Lợi nhuận trước thuế	52.113.092	44.135.498	45.749.305	88	104
4	Thuế TNDN	10.422.618	8.827.100	9.161.616	88	104
5	Lợi nhuận sau thuế	41.690.474	35.308.398	36.587.689	88	104
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	25%	25%	100	100

** Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Chỉ tiêu GTSX là: 2.800 tỷ đồng, Doanh thu: 2.411,5 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 42,44 tỷ đồng. Nhưng đến tháng 11/2017 Tổng công ty Thành An (chiếm 51% vốn điều lệ) đã có quyết định điều*

chính giao chỉ tiêu kế hoạch cho Công ty 96 với GTSX: 2.100 tỷ đồng, doanh thu 2.006 tỷ đồng. Vì vậy các số liệu công ty đánh giá theo chỉ tiêu đã được điều chỉnh

Năm 2017, dù gặp không ít khó khăn, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng ủy, Chỉ huy và sự đoàn kết, nỗ lực của lãnh đạo, chỉ huy đơn vị và sự cố gắng của người lao động trong Công ty. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Giá trị sản xuất tăng 3%, Doanh thu tăng 1% so với kế hoạch. Công ty đã đảm bảo và phát triển được vốn, thu nhập của người lao động cũng tăng hơn so với các năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

- *Danh sách Ban điều hành tại thời điểm báo cáo (ngày 31/12/2017) như sau:*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Huệ	Chủ tịch HĐQT	1.127.113 75.000	10,2% 0,68%	- Đại diện vốn NN - Vốn cá nhân
2	Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc Phó CT HĐQT	1.127.113 129.843	10,2% 1,17%	- Đại diện vốn NN - Vốn cá nhân
3	Hoàng Đức Trúc	Giám đốc Ủy viên HĐQT	3.381.338 111.570	30,6% 1,01%	- Đại diện vốn NN - Vốn cá nhân
4	Võ Cửu Long	Ủy viên HĐQT	264.479	2,39%	- Vốn cá nhân
5	Đặng Đình Khiêm	Phó Giám đốc	74.274	0,67%	- Vốn cá nhân
6	Phạm Hữu Trung	Phó Giám đốc	0	0%	- Vốn cá nhân
7	Nguyễn Khắc Xuyên	Phó Giám đốc	225.451	2,04%	- Vốn cá nhân
8	Trịnh Thị Thu Hương	Kế toán trưởng Ủy viên HĐQT	21.168	0,19%	- Vốn cá nhân

- *Những thay đổi trong Ban điều hành:*

+ Ngày 09/01/2017 HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 04/NQ – HĐQT về việc bổ nhiệm, từ nhiệm thành viên HĐQT như sau:

Ông: Võ Cửu Long – Thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT

Ông: Nguyễn Ngọc Huệ - Giữ chức Chủ tịch HĐQT

Ông: Phạm Văn Lê - Giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT

+ Ngày 17/02/2017 HĐQT Công ty ra Quyết định số 13/QĐ – HĐQT về việc điều động bổ nhiệm đ/c Đặng Đình Khiêm giữ chức Phó giám đốc Công ty.

+ Ngày 27/12/2017 HĐQT Công ty ra Quyết định số 275/QĐ – HĐQT về việc nghỉ công tác của đ/c Nguyễn Khắc Xuyên – Phó Giám đốc Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ, công nhân viên:

Tổng số lao động bình quân trong năm là: 3.850 người

Trong đó:

- Quân số biên chế: 37 người
- Hợp đồng dài hạn: 814 người
- Hợp đồng ngắn hạn: 2.999 người

+ Chính sách đối với người lao động:

Căn cứ vào thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết, Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã cam kết. Người lao động đảm bảo được hưởng các chế độ chính sách theo quy định như tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Trả lương theo đúng quy định của Nhà nước và thỏa ước lao động tập thể, đúng thời gian và công bằng. Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành. Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên và con các cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong học tập. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Người lao động gián tiếp và trực tiếp tại các công trường được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định của Công ty và quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm Công ty không có các khoản đầu tư tài chính và đầu tư dự án lớn.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: 1.000đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	So sánh (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.524.604.963	1.394.897.343	91,5
2	Doanh thu thuần	2.695.993.447	2.027.338.912	75,2
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	49.244.364	44.189.441	89,7
4	Lợi nhuận khác	2.868.728	1.559.864	54,4
5	Lợi nhuận trước thuế	52.113.092	45.749.304	87,8
6	Lợi nhuận sau thuế	41.690.473	36.587.689	87,8
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	25%	25%	100

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,02	1,01	
- Hệ số thanh toán nhanh (thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,85	0,9	
2. Cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (thời điểm 31/12)	Lần	0,9	0,9	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (thời điểm 31/12)	Lần	9,4	8,2	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,2	6,3	
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	1,8	1,45	
4. Khả năng sinh lời				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,5	1,8	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	38,7	30,5	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,73	2,62	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	1,93	2,18	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	3.568	2.965	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

a) Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 11.049.810 cổ phần (tất cả cổ phần được chuyển nhượng tự do)

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Chi chú
1	Cổ đông Nhà nước	5.635.564	51%	
2	Cổ đông khác	5.414.246	49%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

a) *Quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước*

Do đặc thù ngành xây dựng việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước được tiết kiệm tối đa. Với hầu hết các máy móc sản xuất, thiết bị chiếu sáng của Công ty là các thiết bị tiết kiệm điện, nước theo đúng tiêu chuẩn. Sử dụng các thiết bị tận dụng nguồn năng lượng sạch và thân thiện với môi trường như: phong năng, năng lượng mặt trời.

b) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến đơn vị đảm bảo các quy định của pháp luật được áp dụng phù hợp. Đồng thời, định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình, quy định về vệ sinh an toàn lao động đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế phát sinh. Do vậy, trong quá trình hoạt động công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động về công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của Công ty. Ngăn ngừa và giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn lao động, các vi phạm môi trường.

- Nguồn nguyên vật liệu dư thừa trong quá trình sản xuất kinh doanh được phân loại tái sử dụng, thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Duy trì, tăng cường công tác vệ sinh, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc

c) Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

+ Tổng số lao động bình quân trong năm là : 3.850 người

+ Mức lương trung bình : 9.603 nghìn đồng/người/tháng

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, CNV.

+ Theo dõi và thực hiện giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể đảm bảo không xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm cho CB, CNV.

+ Khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty.

+ Hỗ trợ người lao động, gia đình khi gặp khó khăn, ốm đau. Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên và con các cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong học tập.

- Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm Công ty tổ chức các lớp tập huấn, thi tay nghề giúp người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác. Qua lớp tập huấn, người lao động không chỉ được bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ mà còn có cơ hội giao lưu học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình công tác tại đơn vị, từ đó góp phần thực hiện tốt các quy định, xây dựng đơn vị ngày càng phát triển.

d) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương

- Triển khai thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội như chương trình: Quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt, hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa,...

- Thường xuyên tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình chính sách, người già neo đơn, các trung tâm bảo trợ xã hội, học sinh nghèo vượt khó,...

- Nhận phụng dưỡng 1 mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn với mức phụng dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra trong năm 2017 như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

T T	Nội dung	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh (%)	
					Năm trước	KH
1	Giá trị sản xuất	3.055.445.641	2.100.000.000	2.159.755.842	71	103
2	Doanh thu	2.702.989.559	2.006.159.000	2.034.249.661	75	101
3	Lợi nhuận trước thuế	52.113.092	44.135.498	45.749.305	88	104

4	Thuế TNDN	10.422.618	8.827.100	9.161.616	88	104
5	Lợi nhuận sau thuế	41.690.474	35.308.398	36.587.689	88	104
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	25%	25%	100	100

Những chỉ tiêu trên cho thấy hiệu quả SXKD của Công ty trong năm 2017 đã đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, so với năm trước thì giảm hơn về GTSX, doanh thu, lợi nhuận. Ban lãnh đạo và CB,CNV trong toàn công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tiết kiệm chi phí... để đạt được những hiệu quả sản xuất như trên. Công ty vẫn đảm bảo cho chăm lo đời sống cho người lao động trong toàn công ty.

Công ty đã đạt hoàn thành so với kế hoạch năm, GTSX tăng hơn 3% và doanh thu tăng hơn 1% so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2017 là: **1.394,89 tỷ đồng**, giảm **8,5%** so với cùng kỳ, trong đó tài sản ngắn hạn là: **1.237,4 tỷ đồng**, tài sản dài hạn là **157,4 tỷ đồng**. Công ty không bị ảnh hưởng nợ xấu trong năm 2017.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng Nợ phải trả của Công ty là **1.243 tỷ đồng**, trong đó nợ ngắn hạn là **1.220 tỷ đồng**, Nợ dài hạn là **22,5 tỷ đồng**. Công ty không có bất cứ khoản nợ quá hạn nào.

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của công ty tại thời điểm 31/12/2017 là **263,2 tỷ đồng**.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công ty duy trì cơ cấu tổ chức bộ máy tinh giảm, gọn nhẹ và đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành.
- Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 được duy trì thường xuyên và liên tục cải tiến, hàng năm đều có tổ chức quản lý hệ thống chất lượng ISO kiểm tra đánh giá.
- Từng bước hoàn thiện các chính sách, quy định và hệ thống quy chế quản trị của Công ty, hướng tới các phương pháp quản lý hiện đại, hiệu quả cao, minh bạch, rõ ràng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017, Công ty đã đề ra phương hướng kế hoạch phát triển Công ty cho năm 2018 như sau:

- Giá trị sản xuất : 1.950 tỷ đồng
- Vốn điều lệ : 124,199 tỷ đồng
- Doanh thu : 1.861 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 40,942 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 32,753 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức : 20 %

- Tập trung vào công tác tuyển dụng, đào tạo xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực doanh nghiệp. Chú trọng đến công tác đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ.

- Tích cực tham gia tìm nguồn nguyên vật liệu mới, đẩy mạnh sáng kiến sản xuất mới thay thế nguồn nguyên vật liệu truyền thống, nâng cao chất lượng công trình, tiết giảm chi phí.

- Quản lý công tác đầu tư, đầu tư tăng năng lực sản xuất có chọn lọc, quá trình đầu tư thực hiện theo đúng quy trình thủ tục, đúng quy chế đã ban hành.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực doanh nghiệp. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý của CB, CNV.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và kiểm soát chi phí ở tất cả các công đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động theo quy định. Định kỳ thực hiện báo cáo công tác an toàn vệ sinh lao động cho cơ quan chủ quản.

- Công tác an sinh xã hội cũng được Công ty quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm đối với địa phương và với cộng đồng.

- Tạo công ăn việc làm, chăm lo đời sống người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài cùng xây dựng Công ty phát triển ngày càng vững mạnh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2017, dù gặp không ít khó khăn, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng uỷ, Chỉ huy và sự đoàn kết nỗ lực của lãnh đạo, chỉ huy đơn vị đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra về giá trị sản xuất, doanh thu, lợi nhuận và mức chia cổ tức cho cổ đông, đã bảo toàn và phát triển được vốn; thu nhập của người lao động tăng so với trước.

- Công tác quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là công tác quản lý công nợ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn về tài chính. Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm thiểu tối đa chi phí về mọi mặt

- Công tác an toàn lao động luôn được Công ty quan tâm và đặt lên hàng đầu.

- Hội đồng quản trị cùng ban điều hành công ty đã đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh tại từng thời điểm và có chỉ đạo cụ thể thông qua các cuộc họp giao ban, họp định kỳ.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc:

Trong năm 2017, HĐQT đã kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Ban giám đốc trong các công tác sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá việc thực hiện kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế. Xây dựng kế hoạch SXKD và chỉ đạo thực hiện đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 đã đề ra.

- Giám sát tình hình quản lý tài chính của Công ty để quản lý chặt chẽ các chi phí, phòng ngừa hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, Điều lệ Công ty Quy chế hoạt động SXKD và xây dựng Công ty năm 2017.

- Giám sát các quyết định bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng lao động, chế độ chính sách tiền lương và đầu tư, thanh xử lý thiết bị xe máy thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế Công ty đã ban hành.

- Giám sát việc thực hiện chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kịp thời, chính xác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2018 đề ra, HĐQT xác định không ngừng nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành công ty, tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị với các nội dung sau:

- Chỉ đạo, giám sát ban điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018.

- Tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường sản xuất, nâng cao chất lượng công trình, chú trọng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Bảo vệ và phát triển thương hiệu công ty, phát triển nguồn nhân lực nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển công ty.

- Đảm bảo hài hoà lợi ích phát triển cho các cổ đông.

- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu			Tỷ lệ (%)
			Nhà nước	Cá nhân	Tổng cộng	
1	Nguyễn Ngọc Huệ	Chủ tịch HĐQT	1.127.113	75.000	1.202.113	10,88
2	Phạm Văn Lê	Phó CT HĐQT	1.127.113	129.843	1.256.956	11,38
3	Võ Cửu Long	Ủy viên HĐQT		264.479	264.479	2,39
4	Hoàng Đức Trúc	Ủy viên HĐQT	3.381.338	111.570	3.492.908	31,61

5	Trịnh Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT		21.168	21.168	0,19
	Tổng cộng		5.635.564	602.060	6.237.624	

Các cuộc họp của HĐQT đều tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, ban hành đầy đủ Nghị quyết sát thực. Giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban giám đốc điều hành.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông. Trong năm 2017, HĐQT với 5 thành viên đương nhiệm đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT ra các quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

- HĐQT Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách và 04 thành viên kiêm nhiệm đã thực hiện đầy đủ các quy chế, chế độ báo cáo

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- HĐQT đã họp các phiên họp định kỳ, bất thường theo quy định của pháp luật, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT như bổ nhiệm cán bộ, chi trả cổ tức, xây dựng kế hoạch sản xuất,..

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực. Giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Đỗ Văn Thành	Trưởng ban kiểm soát	15.984	0,14%
2	Hoàng Văn Khương	Thành viên Ban kiểm soát	102.284	0,93%
3	Lê Ngọc Trường	Thành viên Ban kiểm soát	2.160	0,02%
	Tổng cộng		120.428	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Triển khai nhiệm vụ SXKD Năm 2017, Công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn thách thức. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động như sau:

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng theo đúng quy định.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD được ĐHĐCĐ phê duyệt

- HĐQT không ngừng tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới nhằm tạo sự ổn định và phát triển lâu dài bền vững cho Thành An 96

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, đồng thời khắc phục những khó khăn, có biện pháp điều hành cần thiết hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2017.

- Ban Giám đốc thường xuyên giám sát hoạt động SXKD của các đơn vị trực thuộc, đưa ra định hướng chung, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.

- Tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty, sự nỗ lực phấn đấu của Cán bộ, chiến sỹ và người lao động, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ và xây dựng đơn vị

ngày càng phát triển vững chắc, đã khẳng định được năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty trong cơ chế thị trường. Đem lại lợi ích cho các cổ đông

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Công ty áp dụng chế độ lương cho Thành viên HĐQT, Ban Điều hành và Ban kiểm soát Công ty theo quy định của pháp luật, hài hoà với chính sách tiền lương và quỹ lương hàng năm. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách chung của toàn Công ty.

Mức thu nhập trong năm của Ban điều hành như sau:

- Thù lao HĐQT & BKS : 104.560.866 đồng
- Thu nhập Ban giám đốc & HĐQT : 2.721.417.893 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Ngọc Huệ	Chủ tịch HĐQT	75.600	0,68%	75.000	0,68%	Giảm do: - Bán: 1.100 CP - Mua: 500CP

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2017 không có giao dịch

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HĐQT đã áp dụng và thực hiện các chuẩn mực quản trị Công ty cổ phần, Điều lệ công ty, Quy định của pháp luật. Thực hiện các Nghị quyết, quyết định giúp cho hiệu quả kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính ”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật (gửi kèm)

Đà Nẵng, ngày 2 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Hoàng Đức Trúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Binh đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ tám (08) ngày 01 tháng 06 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Trụ sở chính của Công ty: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc như sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 33: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 54: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 74: Số 96B Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Xây lắp 79: Số 273, ngõ 35 Khương Hạ, Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Quảng Trị: Số 34 Nguyễn Du, phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 86A ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Chi nhánh Miền Nam: 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: TA9.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị	Ông Nguyễn Ngọc Huệ	Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Lê	Phó Chủ tịch
	Ông Hoàng Đức Trúc	Ủy viên
	Ông Võ Cửu Long	Ủy viên
	Bà Trịnh Thị Thu Hương	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Hoàng Đức Trúc	Giám đốc
	Ông Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Khắc Xuyên	Phó Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/01/2018)
	Ông Phạm Hữu Trung	Phó Giám đốc
	Ông Đặng Đình Khiêm	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/02/2017)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, *Hoàng Đức Trúc*



Hoàng Đức Trúc

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Số: 274/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, được lập ngày 27/03/2018, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Phan Thanh Nam**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

HÀ NỘI - VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.237.431.382.942	1.373.378.122.620
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	92.777.364.102	245.041.166.771
1. Tiền	111		90.861.364.102	159.038.652.071
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.916.000.000	86.002.514.700
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.002.766.800.611	905.585.511.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	836.911.918.254	762.127.345.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	81.394.070.619	93.087.358.764
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.3	182.491.965	14.247.060.642
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	11.000.000.000	12.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	82.716.112.927	28.822.569.211
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.437.793.154)	(4.698.822.556)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	141.887.218.229	222.751.444.389
1. Hàng tồn kho	141		141.887.218.229	222.751.444.389
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.465.960.085	151.226.840.531
II. Tài sản cố định	220		130.930.641.458	131.731.025.703
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	125.071.619.070	125.212.315.483
- Nguyên giá	222		298.583.805.549	264.328.163.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.512.186.479)	(139.115.848.478)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	5.859.022.388	6.518.710.220
- Nguyên giá	228		8.455.853.078	8.455.853.078
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.596.830.690)	(1.937.142.858)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		26.535.318.627	19.495.814.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	26.535.318.627	19.495.814.828
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.394.897.343.027	1.524.604.963.151

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.243.009.400.776	1.377.852.913.796
I. Nợ ngắn hạn	310		1.220.435.432.865	1.348.331.842.365
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	604.205.080.766	471.348.596.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	314.261.805.333	681.244.999.854
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	12.804.930.380	15.213.962.965
4. Phải trả người lao động	314		15.899.189.552	21.849.129.211
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		162.727.273	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	6.408.115.974	12.117.032.722
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	263.223.468.800	142.569.443.189
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.470.114.787	3.988.677.816
II. Nợ dài hạn	330		22.573.967.911	29.521.071.431
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	17.025.967.911	22.900.071.431
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	5.548.000.000	6.621.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.887.942.251	146.752.049.355
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	151.887.942.251	146.752.049.355
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.498.100.000	110.498.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		110.498.100.000	110.498.100.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.765.317.251	8.629.424.355
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.624.525.000	27.624.525.000
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		27.624.525.000	27.624.525.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.394.897.343.027	1.524.604.963.151
(440 = 300+400)				

Người lập

Trần Thị Diệu Thúy

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thu Hương

Dà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Hoàng Đức Trúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.749.304.508	52.113.091.930
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		45.943.631.992	43.740.634.618
- Các khoản dự phòng	03		4.787.384.632	958.697.569
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.758.125.382)	(2.738.861.069)
- Chi phí lãi vay	06		15.752.420.700	7.170.671.485
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		109.474.616.450	101.244.234.533
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(200.345.180.233)	(64.070.702.921)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		80.864.226.160	(126.333.888.586)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(249.350.834.966)	268.440.577.723
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.039.503.799)	(1.042.879.888)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.752.420.700)	(7.170.671.485)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.716.756.277)	(9.717.298.538)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		18.000.000	1.058.490.104
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.363.834.000)	(6.367.798.045)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(300.211.687.365)	156.040.062.897
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.694.651.481)	(33.933.966.714)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		772.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(231.066.367.978)	(432.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		315.152.882.678	335.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.537.529.116	2.738.861.069
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.701.392.335	(128.295.105.645)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		858.878.934.872	856.485.788.853
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(739.297.909.261)	(760.832.606.917)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.334.533.250)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		106.246.492.361	95.653.181.936
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(152.263.802.669)	123.398.139.188
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		245.041.166.771	121.643.027.583
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		92.777.364.102	245.041.166.771

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Diệu Thúy

Trịnh Thị Thu Hương

Hoàng Đức Trúc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Binh đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ tám (08) ngày 01 tháng 06 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 08 (tám) là: 110.498.100.000 đồng (Một trăm mười tỷ, bốn trăm chín tám triệu, một trăm nghìn đồng), tương đương 11.049.810 cổ phần.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	5.635.564	56.355.640.000	51%
Các Cổ đông khác	5.414.246	54.142.460.000	49%
Cộng	11.049.810	110.498.100.000	100%

Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Số lao động bình quân trong năm 2017: 3.850 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng nhà các loại; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, kiểm định thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định xây dựng; Khai thác gỗ; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Chuẩn bị mặt bằng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phả dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Vệ sinh chung nhà cửa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đồ uống; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Xây dựng công trình công ích; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông(đường bộ); Đại lý du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Giáo dục nghề nghiệp; Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: hoạt động trang trí nội thất); Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; Dịch vụ tắm hơi, matxa và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết là hoạt động tắm hơi, matxa; Địa điểm sản xuất, khai thác, sửa chữa, cưa xẻ gỗ ngoài địa bàn thành phố Đà Nẵng /.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: Thi công xây lắp các công trình.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 33: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 54: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 74: Số 96B Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Xây lắp 79: Số 273, ngõ 35 Khương Hạ, Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Quảng Trị: Số 34 Nguyễn Du, phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 86A ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Chi nhánh Miền Nam: 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hữu đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền khai thác tại mỏ đá Suối Mơ được khấu hao theo đường thẳng trong thời gian 7 năm; Phần mềm kế toán máy khấu hao 03 năm; Quyền sử dụng 3.775 m² đất tại Núi Thành, Quảng Nam khấu hao 8 năm; Quyền sử dụng đất lâu dài tại 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh không trích khấu hao.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (Số năm)
Nhà, xưởng và vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	01 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 02 đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 02 trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp trên khắp các địa bàn nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	6.472.889.753	2.857.059.372
Tiền gửi ngân hàng	84.388.474.349	156.181.592.699
Các khoản tương đương tiền	1.916.000.000	86.002.514.700
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng	1.916.000.000	86.002.514.700
Tổng	92.777.364.102	245.041.166.771

5.2 Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	836.911.918.254	762.127.345.399
Các khách hàng từ 10% công nợ	-	-
Các khách hàng khác	836.911.918.254	762.127.345.399
Trả trước cho người bán ngắn hạn	81.394.070.619	93.087.358.764
Tổng	918.305.988.873	855.214.704.163

Tại thời điểm cuối năm, không có khoản phải thu của đối tượng khách hàng nào có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu nội bộ

Khoản phải thu nội bộ đối với Tổng Công ty Thành An – Công ty TNHH MTV

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ban quản lý 11S	9.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần 386	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	11.000.000.000	12.000.000.000

5.5 Phải thu khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	82.716.112.927	-	28.822.569.211	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	318.750.750	-
- Tạm ứng	81.420.317.430	-	28.070.873.503	-
- Phải thu khác	1.295.795.497	-	432.944.958	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	82.716.112.927	-	28.822.569.211	-

5.6 Hàng tồn kho

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.020.601.799	-	20.300.636.555	-
Công cụ, dụng cụ	35.309.635	-	-	-
Chi phí SX KDDD	132.831.306.795	-	202.450.807.834	-
Tổng	141.887.218.229	-	222.751.444.389	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	26.535.318.627	19.495.814.828
Chi phí CCDC, máy thi công	20.828.322.879	11.690.020.792
Chi phí sửa chữa, máy thi công	2.200.972.299	5.012.942.918
Đồ dùng văn phòng	1.662.001.566	728.524.451
Chi phí tư vấn, khác	1.844.021.883	2.064.326.667
Tổng	26.535.318.627	19.495.814.828

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	28.074.057.427	133.797.416.677	101.645.618.147	811.071.710	264.328.163.961
Tăng trong năm	2.325.160.226	30.553.495.001	12.620.396.254	195.600.000	45.694.651.481
Mua trong năm	-	30.553.495.001	12.620.396.254	195.600.000	43.369.491.255
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.325.160.226	-	-	-	2.325.160.226
Giảm trong năm	1.116.623.546	7.065.126.456	3.143.104.255	114.155.636	11.439.009.893
Thanh lý, nhượng bán	-	7.065.126.456	3.143.104.255	114.155.636	10.322.386.347
Giảm khác	1.116.623.546	-	-	-	1.116.623.546
Số dư tại 31/12/2017	29.282.594.107	157.285.785.222	111.122.910.146	892.516.074	298.583.805.549
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	7.567.186.130	79.147.453.035	51.827.548.374	573.660.739	139.115.848.478
Tăng trong năm	1.660.449.290	27.368.542.567	16.071.914.615	183.037.688	45.283.944.160
Khấu hao trong năm	1.660.449.290	27.368.542.567	16.071.914.615	183.037.688	45.283.944.160
Giảm trong năm	565.219.812	7.065.126.456	3.143.104.255	114.155.636	10.887.606.159
Thanh lý, nhượng bán	-	7.065.126.456	3.143.104.255	114.155.636	10.322.386.347
Giảm khác	565.219.812	-	-	-	565.219.812
Số dư tại 31/12/2017	8.662.415.803	99.450.869.146	64.756.358.734	642.542.791	173.512.186.479
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	20.506.871.097	54.649.963.642	49.818.069.773	237.410.971	125.212.315.483
Tại 31/12/2017	20.620.178.299	57.834.916.076	46.366.551.412	249.973.283	125.071.619.070

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chiết, cầm cố các khoản vay;
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.646.011.572
69.699.183.447

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền khai thác mỏ đá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYỄN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	4.000.000.000	4.311.075.300	144.777.778	8.455.853.078
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	4.000.000.000	4.311.075.300	144.777.778	8.455.853.078
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	1.857.142.858	50.000.000	30.000.000	1.937.142.858
Tăng trong năm	571.428.572	50.000.000	38.259.260	659.687.832
Khấu hao trong năm	571.428.572	50.000.000	38.259.260	659.687.832
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	2.428.571.430	100.000.000	68.259.260	2.596.830.690
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	2.142.857.142	4.261.075.300	114.777.778	6.518.710.220
Tại 31/12/2017	1.571.428.570	4.211.075.300	76.518.518	5.859.022.388

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm 3.775 m² đất rừng sản xuất tại Hồ Lá, thôn Đông Yên, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, thời gian sử dụng đất đến tháng 11/2060 và 156 m² đất sử dụng lâu dài tại địa chỉ 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

5.10 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	918.466.886.099	918.466.886.099	1.152.593.596.462	1.152.593.596.462
Phải trả người bán				
Các khách hàng phải trả lớn	-	-	-	-
Các khách hàng khác	604.205.080.766	604.205.080.766	471.348.596.608	471.348.596.608
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Các khách hàng phải trả lớn	-	-	-	-
Các khách hàng khác	314.261.805.333	314.261.805.333	681.244.999.854	681.244.999.854
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	918.466.886.099	918.466.886.099	1.152.593.596.462	1.152.593.596.462

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp	15.213.962.965	57.672.008.106	60.081.040.691	12.804.930.380
Thuế giá trị gia tăng	7.276.389.178	43.032.722.884	40.401.516.445	9.907.595.617
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.142.812.782	9.161.615.641	13.716.756.277	2.587.672.146
Thuế thu nhập cá nhân	794.761.005	2.656.176.228	3.141.390.591	309.546.642
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	175.161.021	175.161.021	-
Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.635.332.332	2.635.216.357	115.975

5.12 Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	6.408.115.974	12.117.032.722
Kinh phí công đoàn	1.093.400.282	461.319.554
Bảo hiểm xã hội	22.698.749	138.681.961
Bảo hiểm y tế	-	5.194.056
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.280.438.685	11.500.449.729
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>207.081.750</i>	<i>6.000.000</i>
<i>Phải trả tiền thuê đất</i>	<i>-</i>	<i>642.795.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>5.073.356.935</i>	<i>10.851.654.729</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	11.578.258	11.387.422
Dài hạn	17.025.967.911	22.900.071.431
Phải trả dài hạn khác	17.025.967.911	22.900.071.431
Tổng	23.434.083.885	35.017.104.153

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96 – CỬ QUAN CÔNG TY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay						
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	154.646.602.387	154.646.602.387	627.906.756.021	569.179.146.806	95.918.993.172	95.918.993.172
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Đà Nẵng	-	-	8.692.150.283	8.692.150.283	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội Đà Nẵng	108.576.866.413	108.576.866.413	221.380.028.568	159.453.612.172	46.650.450.017	46.650.450.017
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	5.548.000.000	5.548.000.000	900.000.000	1.973.000.000	6.621.000.000	6.621.000.000
Tổng	268.771.468.800	268.771.468.800	858.878.934.872	739.297.909.261	149.190.443.189	149.190.443.189

Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 12/10/2017 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, hạn mức tín dụng không vượt quá 300 tỷ tại mọi thời điểm. (bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT486-TA96 ngày 01/11/2016). Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/09/2018. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5% và được điều chỉnh 01 tháng/lần.

Vay ngân hàng TMCP Quân đội tại TP Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 7922.17.301.50099.TD ngày 25/4/2017 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, hạn mức tín dụng không vượt quá 200 tỷ tại mọi thời điểm (bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng số 8444.16.301.50099.TD ngày 18/03/2016). Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 25/4/2018.

Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT486-TA96 ngày 08/8/2016 nhằm mục đích mua sắm trang thiết bị phục vụ trạm trộn bê tông 90 m3. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền cam kết cho vay là 12.840.000.000 đồng và không vượt quá 70% vốn đầu tư dự án. Lãi suất cho vay điều chỉnh 1 tháng/lần, bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%; Hợp đồng tín dụng số 02/2016HĐTD/NHCT486-TA96 ngày 15/7/2016 nhằm mục đích mua 4 xe máy đào phục vụ thi công. Số tiền vay 1.779.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay điều chỉnh 1 tháng/lần, bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%. Tài sản bảo đảm là 4 máy xúc đào hình thành theo hợp đồng thế chấp số 02-2016/HĐTC ngày 15/7/2016; Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTD/NHCT486-TA96 ngày 13/2/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 2 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Q-ý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	81.851.650.000	8.475.269.146	20.462.912.500	110.789.831.646
Tăng vốn	28.646.450.000	(8.184.040.000)	(20.462.410.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	41.690.473.544	41.690.473.544
Trích lập các quỹ	-	8.338.195.209	(14.066.451.044)	(5.728.255.835)
				-
Số dư tại 31/12/2016	110.498.100.000	8.629.424.355	27.624.525.000	146.752.049.355
Số dư tại 01/01/2017	110.498.100.000	8.629.424.355	27.624.525.000	146.752.049.355
Chia trả cổ tức 2016			(27.624.525.000)	(27.624.525.000)
Lãi trong năm nay			36.587.688.867	36.587.688.867
Phân chia quỹ		5.135.892.896	(8.963.163.867)	(3.827.270.971)
Số dư tại 31/12/2017	110.498.100.000	13.765.317.251	27.624.525.000	151.887.942.251

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	56.355.640.000	56.355.640.000
Các Cổ đông khác	54.142.460.000	54.142.460.000
Tổng	110.498.100.000	110.498.100.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	110.498.100.000	81.851.650.000
Vốn góp tăng trong năm	-	28.646.450.000
Vốn góp tại cuối năm	110.498.100.000	110.498.100.000
Cổ tức đã chia	27.624.525.000	-
Phân phối các quỹ	8.963.163.867	14.066.451.044

Ngày 15/01/2018, Hội đồng Quản trị Công ty ra Quyết định số 03/HĐQT-CTCP về việc tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20%, ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông là 29/01/2018, ngày thực hiện chi trả là ngày 07/02/2018.

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.049.810	11.049.810
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.049.810	11.049.810
Cổ phiếu phổ thông	11.049.810	11.049.810
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.049.810	11.049.810
Cổ phiếu phổ thông	11.049.810	11.049.810
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.023.530.573.618	2.695.786.414.191
Doanh thu hoạt động khác	3.808.338.298	207.033.000
Tổng	2.027.338.911.916	2.695.993.447.191

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn xây lắp	1.874.341.204.632	2.537.658.675.097
Giá vốn hoạt động khác	3.694.088.149	207.033.000
Tổng	1.878.035.292.781	2.537.865.708.097

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.537.529.116	2.738.861.069
Tổng	2.537.529.116	2.738.861.069

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	15.752.420.700	7.170.671.485
Tổng	15.752.420.700	7.170.671.485

5.19 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	772.000.000	-
Cho thuê mặt bằng, thiết bị	2.524.999.999	4.235.831.006
Thu nhập khác	1.076.219.908	21.420.000
Tổng	4.373.219.907	4.257.251.006
Chi phí khác		
Tiền thuê đất, chi phí thiết bị cho thuê	1.422.232.306	1.388.523.213
Chi phí khác	1.391.123.803	-
Tổng	2.813.356.109	1.388.523.213
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.559.863.798	2.868.727.793

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.100.680.348.705	1.453.505.523.733
Chi phí nhân công	319.390.251.786	516.088.667.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.943.631.992	43.740.634.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.740.470.755	9.237.652.389
Chi phí khác bằng tiền	26.820.180.125	34.136.482.662
Chi phí máy thi công	187.089.581.251	491.011.433.663
Chi phí nhân viên quản lý	30.743.314.766	33.337.605.719
Chi phí sản xuất chung	184.927.210.779	186.694.795.760
Tổng	1.902.334.990.159	2.767.752.795.784

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.749.304.508	52.113.091.930
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Chi phí không hợp lý</i>	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	45.749.304.508	52.113.091.930
Thuế TNDN phải nộp	9.149.860.902	10.422.618.386
Điều chỉnh thuế của năm trước	11.754.739	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.161.615.641	10.422.618.386

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.587.688.867	41.690.473.544
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	3.827.270.971	5.728.255.835
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.760.417.896	35.962.217.709
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	11.049.810	10.077.899
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	2.965	3.568

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
HĐQT và BKS	Thù lao	104.560.866	42.837.491
Ban Giám đốc và HĐQT	Thu nhập	2.721.417.893	4.098.296.118

Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải thu			
Tổng Công ty Thành An	Công ty Mẹ	182.491.965	14.247.060.642

6.2 Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình trên phạm vi cả nước, không phân biệt khu vực, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.777.364.102	245.041.166.771
Phải thu khách hàng và phải thu khác	910.190.238.027	786.251.092.054
Tổng	1.002.967.602.129	1.031.292.258.825
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	268.771.468.800	149.190.443.189
Phải trả người bán và phải trả khác	627.639.164.651	506.365.700.761
Tổng	896.410.633.451	655.556.143.950

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Rủi ro thị trường

Công ty dùng nguồn tiền của Chủ đầu tư trả thi công công trình nên ít phải vay vốn. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không có rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết do khoản vay hoạt động của Công ty không nhiều.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Các khoản vay	263.223.468.800	5.548.000.000	268.771.468.800
Phải trả người bán và phải trả khác	610.613.196.740	17.025.967.911	627.639.164.651
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2017			
Các khoản vay	142.569.443.189	6.621.000.000	149.190.443.189
Phải trả người bán và phải trả khác	483.465.629.330	22.900.071.431	506.365.700.761

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.777.364.102	-	92.777.364.102
Phải thu khách hàng và phải thu khác	910.190.238.027	-	910.190.238.027
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	245.041.166.771	-	245.041.166.771
Phải thu khách hàng và phải thu khác	786.251.092.054	-	786.251.092.054

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Diệu Thúy

Trịnh Thị Thu Hương

Hoàng Đức Trúc

